

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22804801] - Robot công nghiệp
(Điện) (CCQ2215A)

CBGD: Nguyễn Văn Phước (280023)

Số SV có mặt: 17

Số bài thi: 17

Số tờ giấy thi: 17

STT	Mã SV	Họ và Tên	Bảng	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122150028	Lê Tấn	Bảng	29/09/2004	CCQ2215A		Ngay	80	74	76
2	2122150013	Nguyễn Quốc	Bảo	29/05/2004	CCQ2215A		h	77	72	74
3	2122150040	Huỳnh Duy	Bình	08/10/2004	CCQ2215A		h	84	80	82
4	2122150078	Lương Văn	Bình	24/10/2004	CCQ2215C		h	86	81	84
5	2122150080	Nguyễn Duy	Cường	21/04/2004	CCQ2215C		h	69	73	71
6	2122150034	Nguyễn Xuân	Giáp	16/12/2004	CCQ2215A		gdy	80	77	78
7	2122150023	Nguyễn Quốc	Hoài	08/01/2004	CCQ2215A		h	72	65	68
8	2122150021	Hoàng Văn	Huân	06/06/2004	CCQ2215A		h	84	80	82
9	2122150018	Đinh Văn	Huy	27/02/2004	CCQ2215A		h	84	79	81
10	2122150043	Già Tấn	Huyền	17/06/2004	CCQ2215A		h	88	83	85
11	2122150020	Trần Minh	Khôi	30/07/2001	CCQ2215A		h	87	85	86
12	2122150015	Nguyễn Huỳnh Minh	Lý	12/04/2004	CCQ2215A		h	77	72	74
13	2122150004	Phan Văn	Lý	26/06/2004	CCQ2215A		h	72	67	69
14	2122150038	Nguyễn Trí	Tài	07/02/2004	CCQ2215B		h	81	79	80
15	2122150007	Nguyễn Minh	Tâm	27/10/2004	CCQ2215B		h	73	70	71
16	2122110026	Phạm Anh	Vũ	19/09/2004	CCQ2206A		h	78	74	76
17	2122150010	Trần Như Tuấn	Vũ	19/10/2003	CCQ2215B		h	78	75	76

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22804802] - Robot công nghiệp
(Điện) (CCQ2215B)
CBGD: Nguyễn Văn Phước (280023)

Số SV có mặt: 16
Số bài thi: 16
Số tờ giấy thi: 16

Nguyễn Văn Phước
Nguyễn Thị Hồng
Nguyễn Văn Phước
Nguyễn Thị Hồng

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122150068	Ngô Thanh	Diệu	14/08/2004	CCQ2215C		Dien	8,0	7,0	7,4
2	2122150036	Nguyễn Khắc Nam	Hoàng	21/03/2004	CCQ2215A			0	0	0
3	2122150044	La Ngọc	Lễ	29/08/2004	CCQ2215C		1003 Phuoc	8,0	7,0	7,4
4	2122170583	Huỳnh Thái	Nhã	30/06/2004	CCQ2215B		Phuoc	9,0	8,8	8,9
5	2122150037	Đỗ Thế	Quân	01/01/2004	CCQ2215B		Phuoc	8,3	8,0	8,1
6	2122150017	Trần Khánh	Quốc	27/10/2004	CCQ2215B		Quoc	8,4	8,2	8,3
7	2122150086	Nguyễn Vũ Hoài	Tân	11/06/2004	CCQ2215B		Tan	7,6	7,1	7,3
8	2122150035	Huỳnh Văn	Thịnh	28/09/2003	CCQ2215B		Thinh	8,2	8,0	8,1
9	2122150025	Phan Ngọc	Thông	21/03/2004	CCQ2215B		Phan	8,5	8,3	8,4
10	2122150006	Nguyễn Thành	Tính	20/04/2004	CCQ2215B		Thanh	9,0	8,7	8,8
11	2122150019	Nguyễn Minh	Trí	01/11/2003	CCQ2215B		Trí	8,5	8,1	8,3
12	2122150042	Đặng Công	Trình	26/04/2004	CCQ2215B		Trinh	7,6	7,0	7,2
13	2122150031	Nguyễn Minh	Trực	17/02/2004	CCQ2215B		Truc	9,0	8,7	8,8
14	2122150030	Hồ Quang	Trung	28/10/2004	CCQ2215B		Trung	8,7	8,2	8,4
15	2122150014	Nguyễn Văn	Truyền	25/10/2004	CCQ2215B		Truyen	8,4	7,9	8,1
16	2122150096	Tô Tuấn	Việt	14/10/2004	CCQ2215B		Viet	7,7	7,0	7,3